

Thay lời kết luận

Trước cuộc Nam Tiến của dân tộc Việt ra đời vào cuối thế kỷ thứ X¹, Việt Nam phải mất gần 8 thế kỷ để xâm chiếm toàn diện lãnh thổ Champa và xóa bỏ tên gọi của vương quốc này trên bản đồ vào năm 1832. Điều này đã chứng minh rằng cuộc Nam Tiến đã gặp những sự đối kháng vô cùng quyết liệt của dân chúng Champa.

Theo biên niên sử Chăm (*sakarai dak rai patao*), danh sách của vua chúa Champa chấm dứt dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng (1799-1822). Kể từ đó, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng Champa bị sụp đổ và chấm dứt vào năm 1822. Nhưng sự thật lịch sử không phải như thế, vì tư liệu Chăm và Việt Nam mà chúng tôi sử dụng để viết công trình này đã chứng minh rằng vương quốc Champa vẫn còn tồn tại thêm 10 năm nữa, từ năm 1822 đến năm 1832, mà biên niên sử Việt Nam gọi là Trấn Thuận Thành đặt dưới quyền cai trị của Po Klan Thu (1822-1828) và Po Phaok The (1828-1832), hai vị hoàng tử gốc người Chăm và được các quan lại của sắc dân Churu, Raglai và Kaho hỗ trợ. Vào thời điểm đó, Champa là vương quốc có diện tích rất nhỏ nhưng có chính quyền, quân đội và hệ thống tổ chức hành chính riêng, tiêu biểu cho một

¹ Vì không đủ tài lực và vật lực để mở rộng địa bàn dân cư ra phía bắc nơi có lãnh thổ của Trung Hoa, dân tộc Kinh nghĩ đến chính sách Nam Tiến về phía Champa, quốc gia có dân số rất ít. Vương quốc này có miền duyên hải rất eo hẹp nằm giữa bờ biển Nam Hải và dãy núi Trường Sơn không giúp được cho sự phát triển dân số. Trong khi đó, khu vực Tây Nguyên của Champa là vùng rừng núi mà dân tộc bản địa chỉ biết làm nghề rẫy trên diện tích rất eo hẹp. Xem J. Boulbet (1966, tr. 77-98), P-B. Lafont (1967, tr. 37-48).

Thay lời kết luận

quốc gia có chủ quyền, dù quốc gia này đặt dưới quyền bảo hộ của triều đình Huế. Tiếc rằng, lãnh thổ Champa bị cắt xén thành mảnh vụn nằm xen kẽ với thôn làng người Kinh thuộc phủ Bình Thuận, phía bắc giáp lãnh thổ của triều đình Huế và phía nam là nơi ngự trị của Lê Văn Duyệt, vị phó vương có quyền lực ở Gia Định Thành. Từ đó, sự sống còn của Champa hoàn toàn nằm trong tay của vua Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt.

Trong suốt thời kỳ chiến tranh giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh (1771-1802), Champa đã chấm dứt sự tồn tại của mình trên mặt địa lý. Nhờ vua Gia Long mà vương quốc Champa được phục hưng lại. Người ta cũng đặt ra câu hỏi tại sao vua Gia Long quyết định phục hưng lại nền độc lập Champa vào năm 1802 với mục đích gì? Và người ta cũng không biết tại sao vua Minh Mệnh chấp nhận cho vương quốc Champa được tồn tại thêm mười năm nữa (1802-1822). Có chăng vua triều đình Huế không nắm vững tình hình dân tộc miền núi, nổi tiếng là những chiến binh không bao giờ chấp nhận qui hàng để rồi vua Minh Mệnh phải duy trì sự tồn tại của Champa, một vương quốc có uy quyền trên lãnh thổ núi rừng ở phía tây, bao gồm cả khu vực Đà Lạt-Di Linh² để làm bình phong ngăn chặn dân tộc Churu, Raglai và Kaho xâm nhập vào đồng bằng duyên hải để cướp bóc các làng mạc người Kinh thuộc Bình Thuận và Khánh Hòa³.

Mặc dù Champa vẫn còn tồn tại cho đến năm 1832, nhưng tại sao các nhà nghiên cứu chuyên về Việt Nam học hay Champa học không bao giờ nhắc đến vương quốc này. Theo chúng tôi, nếu các chuyên gia không quan tâm đến giai đoạn lịch sử sau năm 1822, là vì họ chỉ nghe theo quan điểm của E. Aymonier cho rằng biên niên sử Chăm (*sakarai dak rai patao*) chấm dứt vào triều đại của Po Saong Nyung Ceng, vị

² J. Boulbet (1967, tr. 64-76).

³ CM 29 (1), câu 160.

Thay lời kết luận

vua đã trốn sang Campuchia lánh nạn vào năm 1822⁴. Kể từ đó, E. Aymonier đưa ra kết luận rằng năm 1822 đánh dấu cho sự sụp đổ của vương quốc Champa⁵.

Trong quá trình lịch sử của mối liên hệ chính trị giữa vương quốc Champa và Việt Nam, khái niệm về biên giới của một quốc gia cũng là một chủ đề cần nghiên cứu lại. Ai cũng biết, mỗi cuộc chiến chống Champa, vua chúa Việt Nam thường dựa vào cuộc tiến quân để quyết định biên giới đất đai của mình. Biên giới giữa Champa và Đại Việt sau ngày sụp đổ thành Đồ Bàn vào thế kỷ thứ XV là thí dụ điển hình. Năm 1471, Đại Việt làm chủ trên thành Đồ Bàn và xua quân đến núi Thạch Bi (Phú Yên). Kể từ đó, các sử gia cho rằng biên giới phía nam của Đại Việt vào năm 1471 là núi Thạch Bi, nhưng trên thực tế, biên giới thật sự của Đại Việt sau năm 1471 nằm ở đèo Cù Mông, phía bắc Phú Yên. Phải chờ 140 năm sau, tức là năm 1611, nhà Nguyễn mới chiếm được Phú Yên.

Niên đại đánh dấu cho sự sụp đổ của vương quốc Champa cũng là chủ đề mà các nhà nghiên cứu không ngừng đưa ra tranh cãi. Cũng vì không đọc kỹ biên niên sử Việt Nam nên các nhà nghiên cứu không bao giờ chấp nhận sự tồn tại của vương quốc Champa cho đến đầu thế kỷ thứ XIX. Nhưng trên thực tế, chính biên niên sử Việt Nam là nguồn tư liệu công bố rằng vào năm 1832, Minh Mệnh bắt quốc vương Champa là Po Phaok The (Nguyễn Văn Thừa) và phó quốc vương là Po Dhar Kaok (Nguyễn Văn Nguyên) đưa vào trại giam tại Huế và quyết định xóa bỏ tên gọi Champa trên bản

⁴ E. Aymonier, 1890.

Vào năm 1983, chúng tôi có viết bài khảo luận nhằm chứng minh rằng Po Cei Brei (1783-1786) là vị vua chạy sang Campuchia lánh nạn vào năm 1795/1796, vì Po Saong Nyung Ceng từ trần ở Phan Rí vào năm 1822, vì tuổi già (Po Dharma, 1983, tr. 253-266).

⁵ E. Durand (1905, tr. 386; 1906, tr. 288; 1907, tr. 353), J. Boisselier (1963, tr. 372, 378), Dorohiem & Dohamide (1965, tr. 108).

Thay lời kết luận

đồ Đông Dương. Điều này đã chứng minh rằng Champa vẫn còn tồn tại cho đến năm 1832.

Dưới triều đại Gia Long (1802-1820), biên niên sử Chăm chỉ ghi lại trong vài trang nhưng có rất nhiều vấn đề mâu thuẫn với nhau. Một số biên niên sử Chăm cho rằng năm 1802-1820 đánh dấu cho sự thanh bình của Champa, trong khi đó một số tài liệu khác thì cho rằng đây là những năm mà dân tộc Champa phải làm nô dịch vô cùng nặng nề vì triều đình Huế buộc vương quốc Champa phải nộp nhiều thứ thuế, đặc biệt là gỗ để xây cung đình của vua Gia Long. Nhưng để bù đắp cho công lao này, vua Gia Long chấp nhận cho vương quốc Champa có một qui chế tự trị rộng rãi.

Cũng dưới triều đại Gia Long, biên niên sử Việt Nam đề cập rất ít về Trấn Thuận Thành, tức là vương quốc Champa, ngoại trừ nêu ra danh sách tên gọi của vua chúa Champa phiên âm sang tiếng Việt. Biên niên sử Việt Nam cũng cho rằng kể từ năm 1802, Champa là quốc gia đặt dưới quyền bảo hộ của triều đình Huế cho đến ngày băng hà của vua Gia Long vào năm 1820. Nhưng quyền kiểm soát của Champa trong suốt triều đại của vua Gia Long hoàn toàn nằm trong tay của Lê Văn Duyệt, tổng trấn Gia Định Thành. Trong khoảng thời gian này, Champa là vương quốc thanh bình, không có chiến tranh và cũng không có biên cố gì đáng là quan trọng. Nhưng sự thanh bình và thịnh vượng của Champa chỉ là kết quả của mối liên hệ rất thân thiện giữa vua Gia Long và Lê Văn Duyệt, tức là hai nhân vật nắm toàn quyền về sự sống còn của vương quốc này.

Sau ngày lên ngôi vào năm 1820, vua Minh Mệnh đặt trọng trách của mình trên chủ quyền quốc gia và nêu ra ý chí thống nhất Việt Nam đặt dưới quyền điều hành trực tiếp của triều đình Huế bằng cách tìm mọi giải pháp để xóa bỏ qui chế tự trị của Champa, Bắc Thành và Gia Định Thành. Kể từ đó, mối quan hệ giữa vua Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt trở nên căng thẳng. Thêm vào đó, Minh Mệnh nghi ngờ Lê Văn

Thay lời kết luận

Duyệt có ý định cắt đứt các tỉnh miền nam để hình thành một vương quốc riêng. Từ đó, cuộc tranh chấp giữa vua Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt bắt đầu bùng nổ. Lê Văn Duyệt và Minh Mệnh, mỗi bên tìm cách nắm quyền kiểm soát lãnh thổ Champa hầu bảo đảm an ninh và củng cố lực lượng của mình trước đối tượng thù địch⁶. Hơn nữa Champa là vương quốc nằm giữa hai lãnh thổ của hai phe tranh chấp, không thoát khỏi sự dòm ngó của triều đình Huế và Gia Định Thành, mỗi bên đều tìm cách sáp nhập vào lãnh thổ của mình. Kể từ đó, Champa trở thành chủ đề tranh chấp trong nội bộ chính trị của Việt Nam mà chính vương quốc này cũng không tiên đoán được những gì sẽ xảy ra trong tương lai. Hay nói một cách khác, từ ngày lên ngôi của vua Minh Mệnh vào năm 1820, Champa chỉ là con tốt trên bàn cờ chính trị đối kháng giữa triều đình Huế và Lê Văn Duyệt.

Người ta cũng chưa hiểu tại sao khi vừa mới lên ngôi vua Minh Mệnh quyết định đơn phương tách rời Champa ra khỏi Gia Định Thành để đặt dưới quyền bảo hộ duy nhất của triều đình Huế? Có chăng vì gặp nhiều sự phản kháng trong nước, vua Minh Mệnh phải tìm cách dập tắt nó bằng cách khẳng định quyền lực tối cao của mình trên toàn lãnh thổ, nhất là dập tắt Lê Văn Duyệt, một phó vương nắm quá nhiều quyền hạn ở miền nam. Một khi kiểm soát được vương quốc Champa, Minh Mệnh hy vọng phục hưng lại quyền tối thượng của mình để khống chế ảnh hưởng của Lê Văn Duyệt.

Cũng vì Gia Định Thành đang nằm trong thế bị đe dọa, Lê Văn Duyệt phải tìm cơ hội thuận lợi để tách rời Champa ra khỏi quyền bảo hộ của triều đình Huế để đặt dưới

⁶ Cuộc tranh chấp giữa vua Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt là chủ đề mà biên niên sử Chăm bàn đến nhiều nhất. Ngược lại, biên niên sử Việt Nam chỉ nêu sơ qua biến cố này và không bao giờ nhắc đến uy quyền của Lê Văn Duyệt ở miền nam và Campuchia. Sau ngày từ trần của Lê Văn Duyệt vào năm 1832, biên niên sử Việt Nam đưa tên Lê Văn Duyệt ra bàn luận với mục tiêu kết tội phó vương này là nhân vật phản động.

Thay lời kết luận

quyền kiểm soát của mình **vào năm 1828**. Chính sách này sẽ giúp Lê Văn Duyệt phục hưng lại uy tín của mình bằng cách loại trừ uy quyền của triều đình Huế trên lãnh thổ miền nam mà phó vương này muốn độc quyền làm chủ.

Là nạn nhân của cuộc tranh chấp giữa Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt, vương quốc Champa bị đưa đẩy vào thế đứng nấp giữa hai gọng kìm: chọn Minh Mệnh hay Lê Văn Duyệt để làm người bảo hộ cho mình. Kể từ đó, tương lai của Champa hoàn toàn tùy thuộc vào kết quả của cuộc tranh chấp giữa Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt. Một khi đã lựa chọn, Champa phải chấp nhận những hậu quả kinh hoàng, nếu phe mình bị bại trận.

Năm 1828, Champa quyết định chọn Lê Văn Duyệt làm người bảo hộ cho mình. Tiếc rằng năm 1832, Lê Văn Duyệt băng hà vì tuổi già. Nhân danh phe thắng trận, vua Minh Mệnh xóa bỏ ngay tên gọi Champa trên bản đồ, sáp nhập đất đai của vương quốc này vào lãnh thổ Việt Nam và ra lệnh trừng trị vô cùng khùng khiếp các quan lại và dân chúng Champa về tội theo Lê Văn Duyệt. Sự quyết định trừng phạt Champa của vua Minh Mệnh không biểu tượng cho sự thù hằn dân tộc Chăm-Việt, mà là phản ứng tự nhiên trong quá trình hình thành lịch sử dưới thời cổ đại. Đây là những thí dụ điển hình. Quốc vương Champa là Po Phaok The chỉ dựa vào uy quyền của Lê Văn Duyệt để lên ngôi vào năm 1828 không cần xin phép vua Minh Mệnh. Vương quốc Champa nộp thuế cho Lê Văn Duyệt kể từ năm 1828 thay vì nộp thuế cho triều đình Huế. Champa là “quốc gia chư hầu”⁷ của triều đình Huế nhưng phục tùng Lê Văn Duyệt ở Gia Định Thành, v.v. Do đó, vương quốc Champa tự đặt mình vào thế phản bội đối với triều đình Huế, mặc dù các vị lãnh đạo của quốc gia này không bao giờ nghĩ như vậy,

⁷ “Chư hầu” là qui chế chính trị buộc quốc gia nhỏ bé phải có nghĩa vụ xin quốc gia hùng mạnh ban cho tấn phong và triều cống hàng năm (Le Thanh Khôi, 1955, tr. 8).

Thay lời kết luận

Những biện pháp trừng phạt nhân dân Champa vô cùng dã man kể từ năm 1832⁸ không biểu tượng cho chính sách diệt chủng của vua Minh Mệnh đối với người Chăm. Vì vua Minh Mệnh đã từng áp dụng những hình phạt đó đối với người Kinh theo Lê Văn Duyệt, Lê Văn Khôi và Thiên Chúa Giáo. Kể từ đó, người ta có thể nghĩ rằng vua Minh Mệnh không chủ trương trừng phạt người Chăm nặng nề và dã man hơn so với chính sách trừng phạt người Kinh. Và chính sách trừng phạt dân tộc Champa của vua Minh Mệnh không mang nội dung hận thù dân tộc hay phân biệt màu da giữa người Chăm và Kinh mà là hành động mang màu sắc chính trị dành cho những ai, dù họ là người Kinh hay Chăm đi nữa, không tôn trọng uy quyền của triều đình Huế vào thời điểm đó. Nhưng trên thực tế, những cư dân người Kinh và quan lại thuộc phủ Bình Thuận là tập thể có ý đồ hành hạ và ngược đãi dân tộc bản xứ Champa mà họ xem như là những người man rợ và hạ đẳng, lúc nào cũng tìm cách tước đoạt tài sản của những người không cùng màu da với mình. Và chính họ là những người đã gây ra những cuộc vùng dậy của dân tộc Champa vào những năm 1833-1835.

Nói đến phong trào nổi dậy sau ngày sụp đổ vương quốc Champa vào năm 1832, người ta cần phải nhắc đến cuộc khởi nghĩa của Katip Sumat vào năm 1833-1834. Tiếc rằng, biên niên sử Việt Nam chỉ ghi lại biến cố này một cách đơn sơ và các chuyên gia cũng không hề nhắc đến tổ chức này. Có chăng vì cuộc khởi nghĩa của Katip Sumat chỉ mang tính cách tôn giáo, lấy chủ thuyết Hồi Giáo làm mục tiêu cho cuộc đấu tranh nên nhiều nhà nghiên cứu không để ý đến.

Nhìn qua hệ thống tổ chức tín ngưỡng của người Chăm Bani, tức là cộng đồng Hồi Giáo không quan tâm cho

⁸ Xem E. Aymonier (1885, tr. 194), Nghiêm Thẩm (1960, tr. 1570), J. Boisselier (1963, tr. 379).

Thay lời kết luận

lắm đến 5 giáo điều của Kinh Thánh, không ai tin rằng có cuộc “thánh chiến Hồi Giáo” chống triều đình Huế đã xảy ra tại vương quốc Champa vào thời điểm đó, nếu biên niên sử Chăm không nêu ra vấn đề này. Tiếc rằng, tư liệu Chăm đưa ra tin tức quá ngắn gọn về Katip Sumat, một nhân vật chắc có quyền năng siêu hình mới có thể hình thành một phong trào Hồi Giáo trong cộng đồng Champa mà đa số dân chúng theo Bà La Môn Giáo.

Nếu phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat vào năm 1833-1834 chỉ được ghi lại một cách sơ sài, thì ngược lại cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa (1834-1835) chiếm nhiều trang giấy trong biên niên sử Việt Nam. Có chăng cuộc nổi dậy này được triều đình Huế đánh giá như là phong trào phản nghịch có thể gây ra nhiều thiệt hại chính trị cho quốc gia Việt Nam vào thời điểm đó?

Hoàn toàn khác biệt với phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat, cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa tập trung được quần chúng ở đồng bằng và cao nguyên nằm trong 5 khu vực Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Bình Thuận, Di Linh và Lâm Đồng, đặt dưới quyền lãnh đạo của một nội các Champa lâm thời. Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa không mang mô hình cổ điển như những cuộc khởi nghĩa năm 1822 và 1826, mà là một tổ chức vũ trang hiện đại mà người ta thường gọi là “chiến tranh giải phóng”. Và dường như triều đình Huế hiểu rằng cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa không giống như các cuộc nổi dậy khác, tức là phong trào khởi nghĩa đơn thuần về mặt quân sự và tầm hoạt động mang tính cách nhất thời. Đây là một lực lượng vũ trang có hệ thống tổ chức rất qui mô về mặt quân sự lẫn chính trị mà các quan lại và vua Minh Mệnh thường đưa ra để bàn bạc và xem xét.

Một điểm quan trọng khác nằm trong công trình nghiên cứu này là vấn đề dân tộc Champa.

Hơn một thế kỷ qua, tất cả các nhà nghiên cứu nghĩ rằng Champa là vương quốc của dân tộc Chăm đặt dưới

Thay lời kết luận

quyền cai trị của những quan lại gốc người Chăm, có lãnh thổ nằm ở miền đồng bằng tọa lạc giữa biển Nam Hải và dãy núi Trường Sơn. Nhưng trên thực tế, vương quốc Champa bao gồm đồng bằng duyên hải nơi có cư dân người Chăm và khu vực Tây Nguyên, đất đai của dân tộc bản địa mà người ta thường gọi là người Thượng hay dân tộc miền núi. Người Thượng hay dân tộc miền núi không phải là nhóm người bị dân tộc Chăm đô hộ trong nhất thời như nhiều tác giả thường hiểu lầm, mà là tập thể thần dân Champa đã từng giữ vai trò quan trọng trong tiến trình lịch sử của vương quốc này, có bổn phận và nghĩa vụ ngang hàng với người Chăm ở miền duyên hải. Champa là một vương quốc đa chủng tập trung các dân tộc Chăm và Tây Nguyên. Đây không phải là giả thuyết nguy hiểm mà là một minh chứng lịch sử được ghi lại một cách rõ ràng trên bia ký.

Theo tấm bia tìm thấy ở Mỹ Sơn, vào thế kỷ XII những người Tây Nguyên gồm có bộ tộc Randay (tức là Rađé) và Mada (Bahnar?) đã từ chối uy quyền của vua Jaya Harivarman I dẫn đoàn quân từ Panduranga sang tấn công Vijaya để rồi tự tôn cho mình là vua Champa vào năm 1149. Để giải quyết việc tiếm ngôi này, dân tộc Randay (tức là Rađé) và Mada (Bahnar?) đưa hoàng tử tên là Varisaraya gốc người Vijaya tức là em rể của vua Champa Jaya Indravarman III bị quân Campuchia giết chết trên bãi chiến trường, lên ngôi ở kinh thành Madhyamagramapura⁹. Nếu xứ sở của người Randay (tức là Rađé) và Mada (Bahnar?) không nằm trên lãnh thổ Champa, và nếu họ không phải là thần dân Champa, thế thì tại sao họ lại tôn vinh hoàng tử Varisaraya lên ngôi vua để làm gì? Và nếu Tây Nguyên không thuộc về Champa, thế thì tại sao vương quốc này lại xây tháp Yang Praong ở huyện Ea Sup tỉnh DakLak, tháp Yang Mum ở thị trấn Cheo Reo, huyện Ayunpa tỉnh Gialai và tháp Bang Keng ở huyện Krông Pa tỉnh Gia Lai.

⁹ L. Finot (1904, tr. 906).

Thay lời kết luận

Sau ngày thất thủ Vijaya vào năm 1471, biên niên sử Chăm¹⁰ ghi rằng Po Rome (1627-1651) là vị vua mang dòng máu dân tộc Churu và bà thứ hậu gốc người Radé hay Kaho¹¹. Triều đại Po Rome tập trung 12 vị vua thay nhau lên ngôi gần 150 năm rồi chấm dứt vào thời vua Po Cei Brei, lên ngôi vào năm 1783 sau đó chạy sang Campuchia lánh nạn vào năm 1795. Đây là những yếu tố cụ nhằm xác nhận rằng cư dân miền núi (Churu, Raglai, Kaho) đã chiếm một ngôi bậc khá cao trong triều đình Champa¹².

Bên cạnh biên niên sử Chăm, tư liệu hoàng gia Champa viết từ năm 1702 đến năm 1810 hiện lưu trữ tại Pháp cũng cho biết có nhiều quan lại cấp cao gốc người Churu và Raglai nắm quyền quan trọng trong triều đình Champa. Dưới thời vùng dậy của Ja Thak Wa (1834-1835), hội đồng Champa đã đề cử Po War Palei gốc người Raglai lên làm vua và một người Churu lên làm thái tử. Điều này đã chứng minh rằng Champa là vương quốc đa chủng tộc và mỗi dân tộc có nghĩa vụ và quyền hạnh ngang nhau.

Nếu một số nhà nghiên cứu cho rằng Champa là vương quốc dành riêng cho dân tộc Chăm là vì họ không đọc kỹ lịch sử Champa vào thời cổ đại. Đối với những nhà nghiên cứu này, dãy Trường Sơn là bức tường thiên nhiên chia cách giữa dân tộc Chăm ở đồng bằng và dân tộc Thượng ở cao

¹⁰ CAM 31 (1), CAM 152 (2), CAM MICROFILM 1 (3), CAM MICROFILM 14 (3), CM 22 (2), CM 23 (7), Po Dharma CAM 2 (13).

¹¹ CAM MICROFILM 14 (3), CAM MICROFILM 17 (2), CM 22 (2) cho rằng Bia Than Can là hoàng hậu gốc Radé trong khi đó E. Durand (1903, tr. 601) cho rằng Bà là người Kaho.

Tượng của thứ hậu Bia Than Can được thờ phượng bên cạnh Po Rome ở trong Tháp. Khi đó, tượng của Bia Than Cih, hoàng hậu gốc Chăm lại thờ trong một cái miếu (*danaok*) bên ngoài (E. Durand, 1903, tr. 597-603).

¹² P-B. Lafont (1964, tr. 157-172).

Thay lời kết luận

nguyên¹³. Theo họ, người Randay (Radé), Mada (Bahnar?) mà bia ký thường nhắc đến chỉ là dân tộc miền núi man rợ, có ý đồ hỗ trợ cho hoàng tử Varisaraya gốc người Vijaya lên làm vua Champa để tìm cách xuống đồng bằng cướp bóc dân cư Chăm giàu có¹⁴. Đây là phong cách lý luận không thuyết phục và không cơ sở khoa học. Vì rằng, trong những trận chiến chống Đại Việt trước thế kỷ thứ XV, biên niên sử Trung Hoa cho rằng vương quốc Champa thường sử dụng hàng ngàn voi trận trên bãi chiến trường và lực lượng quân đội của vương quốc này được trang bị bởi những vũ khí nguy hiểm nhất, đó là ná và mũi tên tẩm độc. Dân tộc Chăm là cộng đồng sống ở miền đồng bằng chỉ chuyên về nghề đi biển¹⁵. Nói đến voi trận và mũi tên tẩm độc thì người ta phải nghĩ đến dân tộc Tây Nguyên, vì người Chăm không biết cỡi voi và bắn ná. Điều này đã chứng minh rằng lực lượng bộ binh hùng mạnh của vương quốc Champa vào thời cổ đại bao gồm cả người Tây Nguyên chuyên về voi trận và mũi tên tẩm độc. Nếu dân tộc Tây Nguyên không phải là thần dân Champa, thế thì họ chiến đấu bảo vệ vương quốc Champa với mục tiêu gì?

Cũng từ công trình này mà độc giả biết được vai trò của biên niên sử Chăm đã góp phần vào nguồn tư liệu để biên soạn lại lịch sử Champa. Cho đến hôm nay, người ta chỉ sử dụng những biên niên sử của Việt Nam để làm đề tài cho công trình nghiên cứu lịch sử Champa. Tiếc rằng, biên niên sử Việt Nam là văn bản chính thức được soạn thảo thể theo lời yêu cầu của triều đình Việt Nam. Từ đó, những văn bản này phải viết theo quan điểm của vua chúa Việt Nam, không còn mang tính trung thực nữa. Ngược lại, biên niên sử Chăm có nội dung hoàn toàn khác biệt. Văn bản này do những trí thức hay

¹³ Dưới thời Pháp thuộc, chính quyền Đông Dương sáp nhập cao nguyên Darlac và Kontum vào vương quốc Lào. Darlac chỉ trực thuộc triều đình Huế vào năm 1904 và Kontum vào năm 1905.

¹⁴ G. Maspero (1928, tr. 157).

¹⁵ G. Maspero, 1928, tr. 27.

Thay lời kết luận

quan lại Champa biên soạn. Nội dung của văn bản này không nhằm tôn vinh cá nhân vua chúa hay phục vụ cho mục tiêu của triều đình Champa. Đây không phải là văn bản chính thức của quốc gia mà là ký sự mang tính cách cá nhân với nội dung thường nói đến lai lịch của vua chúa, biến cố chiến tranh, những thực trạng của quân chúng Champa, các cuộc khởi nghĩa chống sự xâm lược của ngoại bang hay phản đối triều đình Champa thối nát, v.v. Và một số các văn bản này thường trình bày các biến cố dưới hình thức của bài phóng sự nhằm kể lại những gì đã xảy ra trước mắt của tác giả. Do đó, những tin tức trong biên niên sử Chăm là nguồn tư liệu quý giá nhằm kiểm chứng lại những chi tiết nằm trong biên niên sử Việt Nam và làm sáng tỏ thêm những tiến trình hình thành lịch sử Việt Nam trong khu vực Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận.

Trong công trình này, chúng tôi cũng chưa trả lời thỏa đáng cho chính sách của vua Minh Mệnh nhằm chiếm đoạt đất đai Champa và Việt Nam hóa dân tộc của vương quốc này. Có chăng đây chỉ là trường hợp ngoại lệ trong tiến trình hình thành lịch sử Việt Nam hay là bản chất truyền thống của dân tộc Việt? Vì rằng, biên niên sử Việt Nam không bao giờ đề cập đến vấn đề này. Và đây cũng là lần đầu tiên mà biên niên sử Chăm, tức là nạn nhân của cuộc Nam Tiến, viết lại những biến cố này và lưu trữ cho đến nay.

Sau 8 thế kỷ của cuộc Nam Tiến, Việt Nam đã chiếm trọn lãnh thổ Champa chạy dài từ tỉnh Quảng Bình cho đến biên giới Biên Hòa. Và chính sách xâm chiếm đất đai Champa và Việt Nam hóa vẫn còn tiếp diễn sau thời Pháp thuộc. Chúng tôi muốn nói đến việc sáp nhập cao nguyên miền trung vào lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa.

Dưới thời Pháp thuộc, khu vực Tây Nguyên của người Thượng cư trú được hưởng qui chế chính trị đặc biệt gọi là "Hoàng Triều Cương Thổ" đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của vua Bảo Đại. Năm 1955 tổng thống Ngô Đình Diệm biến Tây Nguyên thành đơn vị hành chính của Việt Nam Cộng Hòa với thể thức và mô hình rất gần gũi với chính sách của vua Minh

Thay lời kết luận

Mệnh sáp nhập Champa vào lãnh thổ Việt Nam vào năm 1832. Ngô Đình Diệm đưa dân cư từ miền Bắc đến định cư tại khu vực của Tây Nguyên. Những cư dân của vùng duyên hải cũng được khuyến khích đến lập nghiệp trên cao nguyên. Chính quyền Sài Gòn trưng dụng đất đai người của người Thượng để phân phát cho những người Kinh vừa mới đến, biến lãnh thổ Tây Nguyên thành địa bàn dân cư xen kẽ giữa người Kinh và Thượng. Đây là mô hình da beo của địa bàn dân cư rất gần gũi với chính sách của vua Minh Mệnh áp dụng cho vương quốc Champa vào năm 1832.

Sau năm 1955, dân số người Kinh càng ngày càng tăng lên, xô đẩy người Thượng vào vùng xa xôi hơn. Những người Thượng chống lại sự tước đoạt đất đai thì bị chính quyền Ngô Đình Diệm kết tội là làm tay sai cho Việt Cộng và đưa họ vào trại giam hay kết tội tử hình. Vì tình hình an ninh, chính quyền Sài Gòn tập trung dân tộc Tây Nguyên vào khu vực gọi là “Áp Chiến Lược”, nơi mà họ bị đàn áp một cách thô bạo¹⁶. Những người không chịu ức hiếp và khổ dịch, phải trốn vào rừng sâu và còn bị quân đội Việt Nam truy lùng. Vì không chấp nhận chính sách đàn áp, chiếm đoạt đất đai và đồng hóa của chính quyền Ngô Đình Diệm, một nhóm trí thức người Thượng chỉ còn cách là vùng dậy để gia nhập vào phong trào Bajaraka (*Ba* = Bahnar, *Ja* = Jarai, *Ra* = Radhe, *Ka* = Kaho) hình thành vào năm 1956, đã tạo nên bao rối ren ở khu vực Tây Nguyên vào thời điểm đó.

Năm 1964 đánh dấu cho sự ra đời của Mặt Trận Giải phóng Cao Nguyên Champa, một thành viên nằm trong liên minh của tổ chức Fulro, tập hợp những cư dân người Thượng và Chăm để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa mới. Bùng nổ vào tháng 9 năm 1964, Fulro chiếm nhiều tỉnh ở Tây Nguyên và tạo một tiếng vang lớn trên bàn cờ chính trị Đông Dương. Nhưng sự can thiệp của quân đội Mỹ bắt buộc họ phải trả lại

¹⁶ J. Boulbet (1967, tr. 15-21).

Thay lời kết luận

cho chính quyền Sài Gòn tất cả phần đất ở Tây Nguyên mà họ vừa chiếm được để rút lui về hậu cứ ở Campuchia¹⁷.

Dựa vào những biến cố đã xảy ra ở Tây Nguyên kể từ năm 1955, người ta có thể nghĩ rằng chính sách của triều đình Huế nhằm chiếm đoạt đất đai, thuộc địa hóa, Việt Nam hóa vương quốc Champa phát xuất từ chủ thuyết Nam Tiên của dân tộc Việt hơn là trường hợp ngoại lệ trong tiến trình hình thành các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á.

Sau năm 1975, Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam cho rằng giới lãnh đạo phong kiến của nhóm đa số thường áp dụng chính sách đồng hóa nhằm phát triển quyền lợi riêng tư của họ đã dẫn đến việc bóc lột và áp bức những người dân thiểu số¹⁸. Nhưng đây chỉ là văn chương chính trị, vì sau năm 1975 Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã chiếm đoạt toàn diện đất đai và tài sản của người Tây Nguyên và Chăm để bổ sung vào tài sản của quốc gia Việt Nam, biến hai dân tộc Chăm và Tây Nguyên thành nhóm người vô sản, lâm vào nạn nghèo đói mà không ai có thể tiên đoán thế nào về sự sống còn của họ trong thế kỷ tới này.

¹⁷ Po Dharma (1981, tr. 174-179).

¹⁸ Bulletin du Vietnam (1977, tr. 13).